

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng năm 2014;

Căn cứ Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư công của tỉnh Gia Lai;

Thực hiện Quyết định số 674a/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Krông Pa về việc phê duyệt báo cáo kinh tế- kỹ thuật công trình: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đất Bằng- Hạng mục: Mạng đường ống, nhà làm việc, nhà ăn, bếp, công, sân bê tông;

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo thẩm tra số 104/BCTT-TCKH, ngày 06/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Tên công trình: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đất Bằng.

Hạng mục: Mạng đường ống, nhà làm việc, nhà ăn, bếp, công, sân bê tông.

- Chủ đầu tư: BQL dự án đền bù di dân TĐC.

- Địa điểm xây dựng: Xã Đất Bằng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Thời gian khởi công, hoàn thành (*thực tế*): 01/12/2017- 16/8/2018.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư:

**1. Nguồn vốn đầu tư :**

Đơn vị: đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn thanh toán
<b>Tổng số</b>	<b>1.583.082.000</b>	<b>1.583.082.000</b>	
Kết dư ngân sách huyện năm 2016.	1.583.082.000	1.583.082.000	

**2. Chi phí đầu tư:**

Đơn vị: đồng.

Nội dung chi phí	Tổng dự toán được duyệt	Chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị Quyết toán
<b>Tổng số:</b>	<b>1.780.000.000</b>	<b>1.583.082.000</b>	<b>1.583.082.000</b>
Chi phí Xây dựng	1.349.052.000	1.387.425.000	1.357.425.000
Chi phí thiết bị			
Chi phí Quản lý dự án	36.382.000	36.382.000	36.382.000
Chi phí Tư vấn xây dựng	148.237.000	142.365.000	142.365.000
Chi phí khác	96.693.000	16.910.000	46.910.000
Dự phòng	149.636.000		

**3. Chi phí đầu tư được phép không được tính vào giá trị tài sản: không.**

**4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:**

Đơn vị: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>			<b>1.583.082.000</b>	
1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			1.583.082.000	

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

**1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>1.583.082.000</b>	
Kết dư ngân sách huyện năm 2016	1.583.082.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày            tháng            năm 2019 là:

- Tổng nợ phải thu: **0** đồng

- Tổng nợ phải trả : **0** đồng.

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:**

Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Trạm nước sinh hoạt huyện Krông Pa	1.583.082.000	0

**3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:**

- Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tất toán nguồn vốn và chi phí đầu tư cho công trình.

**Điều 4:** Các ông Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; BQL dự án đền bù di dân TĐC, Trạm nước sinh hoạt và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./ .*Tua*

*Nơi nhận:*

- Như điều 4;
- Lưu VT-UB.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tạ Chí Khanh**